TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2020/DS - PT
Ngày: 16/06/2020
"V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các Thẩm phán: Ông **Trương Công Thi**

Ông **Lê Thúy Cầu**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Vũ Thanh Thủy -** Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Thanh Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 06 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2019/TLPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2019/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 908/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ông Huỳnh P, sinh năm 1934; địa chỉ: Tổ 3, khối N1, phường C, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Mai Thị Th, địa chỉ: số 16, đường 18 tháng 8, phường C, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thành L - Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam, Có mặt.

**** Bị đơn:*** Bà Huỳnh Thị X, sinh năm 1952; địa chỉ: số 34, đường T1, khối N1, phường C, thành phố H1, Quảng Nam; Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu phố Nghĩa Nam, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Bùi Anh N - Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam, Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1971; địa chỉ: số 34 Đường T1, Khối N1, phường C, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam; Có mặt.

2. Ông Tống Uy V, sinh năm 1970; địa chỉ: 58/5 Lê Lợi, phường Minh An, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam; Có mặt.

3. Ủy ban nhân dân thành phố H1, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Thành Nh - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T1; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ủy ban nhân dân phường C, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tấn C1 - Chủ tịch UBND phường C, thành phố H1; Có mặt.

**** Người kháng cáo:*** Nguyên đơn - ông Huỳnh P, bị đơn - bà Huỳnh Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các văn bản có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa những người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nhà và đất đang có tranh chấp có diện tích 1.704,5m^2, tại số 34 Đường T1, thành phố H1 là tài sản do ông Huỳnh T2 và bà Trần Thị X tạo lập. Ông Huỳnh T2 và bà Trần Thị X là vợ chồng nhưng không có con chung. Ông Huỳnh P là cháu gọi ông Huỳnh T2 là cậu ruột được ông T2, bà X nhận làm con nuôi từ khi mới sinh ra. Năm 1956, vì thấy hoàn cảnh bà Võ Thị Q1 đơn thân nên ông T2, bà X nhận bà Võ Thị Q1 (Giấy CMND khi là bà Nguyễn Thị Q1) về sống chung trong gia đình và nhận bà Huỳnh Thị X (con của bà Q1) làm con nuôi. Năm 1969, ông Huỳnh T2 chết, năm 1989 bà Trần Thị X chết đều không để lại di chúc. Sau khi ông T2 bà X chết tài sản nhà và đất đang có tranh chấp tại số 34 Đường T1, thành phố H1 do bà Võ Thị Q1 và bà Huỳnh Thị X sinh sống và quản lý (lúc này ông P đã có gia đình và ra ở riêng). Năm 2005, bà Nguyễn Thị Q1 mất, bà X tiếp tục ở và quản lý nhà và đất trên. Năm 2008, bà Huỳnh Thị X được UBND thành phố H1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 751826 ngày 05/3/2008 đối với toàn bộ nhà và đất trên cơ sở thừa kế di sản của ông Huỳnh T2 và bà Nguyễn Thị Q1.

Nguồn gốc nhà và đất là của ông Huỳnh T2 và bà Trần Thị X, ông T2 và bà X chết đều không để lại di chúc. Nên việc bà Huỳnh Thị X được Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở thừa kế di sản của ông Huỳnh T2 và bà Nguyễn Thị Q1

là không đúng. Yêu cầu Tòa án Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 751826, số vào sổ H 01261 do Ủy ban nhân dân thành phố H1 cấp cho bà Huỳnh Thị X vào ngày 05/3/2008.

Về mặt pháp lý, ông Huỳnh P và bà Huỳnh Thị X đều là con của ông Huỳnh T2 và bà Trần Thị X, nên nay ông P yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cha mẹ ông là Huỳnh T2 và bà Trần Thị X theo quy định của pháp luật giữa ông và bà Huỳnh Thị X đối với di sản thừa kế là thửa đất T550, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 06, tờ bản đồ số 38), diện tích 1.704,5m^2, tọa lạc tại tổ 3, đường T1, khối N1, phường C, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam. Ông P yêu cầu chia thừa kế bằng hiện vật, đối với các ngôi nhà và tài sản khác ông P không yêu cầu chia.

Tại các văn bản có tại hồ sơ vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Năm 1922, ông Huỳnh T2 kết hôn với bà Trần Thị X, nhưng không có con chung. Năm 1951 ông Huỳnh T2 cưới vợ thứ là bà Võ Thị Q1 (tức bà Nguyễn Thị Q1), bà Q1 có một người con gái tên là Huỳnh Thị X, sinh năm 1952.

Tài sản là nhà và đất diện tích 1.704,5m^2, tại số nhà 34, đường T1, khối N1, phường C, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam là do ông Huỳnh T2 và bà Trần Thị X tạo lập. Năm 1969 ông T2 chết, bà X cùng với bà Q1 và bà Huỳnh Thị X tiếp tục quản lý sử dụng. Năm 1989 bà X chết, nhưng trước khi chết năm 1987 bà X có chúc thư là Văn bản đoạn mãi tài sản giao lại nhà đất cho bà Q1 và bà X toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt.

Năm 2005, bà Q1 chết, năm 2007 bà X đăng ký thừa kế quyền sử dụng đất và UBND phường C đã có Thông báo số 78/TB-UB về việc xác nhận nguồn gốc sử dụng đất trước năm 1980 nhưng không có bất cứ khiếu nại, tố cáo nào. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà X đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Nên việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 751826 do Ủy ban nhân dân thành phố H1 cấp cho bà Huỳnh Thị X vào ngày 05/3/2008 của ông P là không có cơ sở.

Đối với yêu cầu chia thừa kế tài sản là thửa đất diện tích 1.704,5m^2, tọa lạc tại tổ 3, đường T1, khối N1, phường C: Ông Huỳnh P là con của bà Huỳnh Thị Kỳ là em ruột của ông Huỳnh T2, ông P là cháu gọi ông Huỳnh T2 là cậu ruột. Ông P không có mối quan hệ nhân thân cũng như nuôi dưỡng gì đối với ông T2 và bà X, ông P cũng không có tên trong gia phả tộc Huỳnh Kim, kể cả trong bia mộ và văn bản đoạn mãi của bà Trần Thị X (di chúc của bà X). Ông P cung cấp chứng cứ là Chứng chỉ thay giấy khai sinh được cấp ngày 13/9/1965 và Chứng chỉ thay giấy giá thú được cấp ngày 21/4/1958 là không đúng sự thật. Nên yêu cầu chia thừa kế của ông Huỳnh P là không có cơ sở chấp nhận.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố H1 trình bày:

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 751826 ngày 05/3/2008 của UBND thị xã H1 cho bà Huỳnh Thị X được dựa trên cơ sở Văn bản khai nhận thừa kế tài sản thừa kế của bà Huỳnh Thị X được UBND phường C chứng thực ngày 15/01/2007 và các hồ sơ liên quan là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định, về yêu cầu chia thừa kế và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 751826 ngày 05/3/2008 của UBND thị xã H1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường C trình bày:

Về nguồn gốc sử dụng đất tại thửa đất số T550, tờ bản đồ số 5 tại đường T1, khối N1, Cẩm Phô, Hội An, UBND phường C đã căn cứ vào chỉnh lý biến động năm 1992, và hồ sơ theo Nghị định 60/CP để xác nhận nguồn gốc sử dụng đất theo yêu cầu của bà X theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2019/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Căn cứ Điều 26, 34, 157, 158 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 609, 612, 613, 623, 643, 650, 651, 653, và Điều 654 Bộ luật dân sự năm 2015;Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Huỳnh P đối với di sản của ông Huỳnh T2 và bà Trần Thị X để lại.

1.1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 751826 do Uỷ ban nhân dân thành phố H1 cấp cho bà Huỳnh Thị X ngày 05/3/2008 đã được điều chỉnh ngày 01/02/2013

1.2. Giao cho ông Huỳnh P được quyền sử dụng 714,4 m^2 đất ở đô thị trong một phần thửa số 6, tờ bản đồ số 38, tại khối N1, phường C, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam trị giá 71.440.000.000 đồng (có sơ đồ bản vê kèm theo).

Ông Huỳnh P: được nhận và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất được giao gồm: 01 quán tạm của vợ chồng bà Nguyễn Thị B và ông Tống Uy V; 14m tường rào lưới B40; cùng với toàn bộ cây lưu niên trên phần đất được giao gồm 02 cây mận có quả, 01 cây mãng cầu gai có quả, 2 cây mãng cầu có quả, 05 cây ổi có quả, 02 cây mít có quả, 19 cây cau có quả, 50 cây chuối có quả, 09 bụi sả, 02 cây đu đủ có quả, 01 cây khế có quả, 01 cây sanh. Tổng cộng giá trị tài sản gắn với phần đất được giao cho ông P là 33.691.400 đồng. Ông Huỳnh P được nhận và sở hữu tài sản trên và có trách nhiệm thối trả giá trị tài sản gắn với quyền sử dụng đất được giao là 33.691.400 đồng (Ba mươi ba triệu sáu trăm chín mươi mốt nghìn bốn trăm đồng) cho vợ chồng bà B,

ông V, bà X (do ông Tống Uy V đại diện gia đình nhận).

1.3. Giao cho bà Huỳnh Thị X được quyền sử dụng 990,1 m^2 đất ở đô thị phần còn lại của thửa số 6, tờ bản đồ số 38, tại khối N1, phường C, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam trị giá 99.010.000.000 đồng (có sơ đồ bản vẽ kèm theo) và được sở hữu 01 ngôi nhà 3 gian; 01 ngôi nhà hai tầng lợp ngói âm dương, tường xây; tường rào cổng ngõ; 01 giếng nước và toàn bộ cây lưu niên trên phần đất được giao.

Sau khi khấu trừ kỷ phần được hưởng, bà Huỳnh Thị X trách nhiệm thối trả cho ông Huỳnh P giá trị chênh lệch tài sản là 69.375.000 đồng (Sáu mươi chín triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019 bị đơn bà Huỳnh Thị X kháng cáo đề nghị bác yêu cầu nguyên đơn. Ngày 04 tháng 10 năm 2019 ông Huỳnh P kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ Bản án số 33/2019/DSST ngày 20/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Ngày 28 tháng 04 năm 2020 ông Huỳnh P có đơn thay đổi nội dụng kháng cáo đối với số tiền bà Huỳnh Thị X phải thối trả giá trị chênh lệch tài sản phân chia là 69.375.000 đồng, nay Ông tự nguyện giao cho bà X sử dụng để bù thêm công sức bảo quản di sản. Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền cho Huỳnh P - bà Mai Thị Th thống nhất như trình bày ông P về việc không nhận 69.375.000 đồng, các yêu cầu khác vẫn giữ nguyên đề nghị HĐXX xem xét.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có ý kiến như sau: Về tố tụng HĐXX xét xử chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Thửa đất số 06, tờ bản đồ số 38 phường C có diện tích 1704,5m" có nguồn gốc là do ông Huỳnh T2 và bà Trần Thị X tạo lập. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông P là có căn cứ, ghi nhận sự tự nguyện không nhận 69.375.000 đồng tiền phân chia tài sản chênh lệch của Huỳnh P. Đề nghị HĐXX sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo chia ½ giá trị di sản thừa kế. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ông Nguyễn Hữu C và Luật sư Bùi Anh N đề nghị sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh P vì ông P không phải là con của Ông T2, bà X nên không thuộc diện hưởng thừa kế.

[1]. Xét kháng cáo của bị đơn thì thấy: Căn cứ vào các tài liệu *"Chứng chỉ thay giấy giá thú"* ngày 21/4/1958; *"Chứng chỉ thay giấy khai sinh"* ngày 13/9/1965, *Thẻ căn cước* ngày 31/8/1970 có xác nhận của chính quyền chế độ cũ đều xác định cha mẹ của ông Huỳnh P là cụ Huỳnh T2 và cụ Trần Thị X. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến

hành xác minh tại Cơ quan Công an xác định theo *Tờ khai chứng minh nhân dân* và *Chứng minh nhân dân* số 205923209 ngày 17/4/2012 thì ông P có cha là Huỳnh Kim T2, mẹ là Trần Thị X; *Phiếu lý lịch tư pháp số 2* số 3771/STP-HCTP ngày 14/5/2019 do Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam cấp cho ông P xác định cha là cụ Huỳnh T2, mẹ là cụ Trần Thị X. Đồng thời, một số người cao tuổi trong tộc Huỳnh Kim và hàng xóm lâu năm của cụ T2, cụ X là các ông Võ Đình H2, ông Phan Ph đều xác định ông P là con nuôi của cụ T2 và cụ X. Như vậy, có căn cứ xác định vì không có con nên cụ T2 và cụ X đã nhận ông P (cháu gọi cụ T2 là cậu ruột) làm con nuôi từ khi ông T2 còn nhỏ nên ông P thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T2 và cụ X. Do đó, ông P có quyền khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T2 và cụ X để lại. Bà X người đại diện theo ủy quyền cũng như luật sư cho rằng, ông P không phải là con nuôi, không có quan hệ gì với cụ T2, cụ X là không có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn chia ½ di sản và hủy Giấy chứng nhận quyền sự đất thì thấy: Về di sản thừa kế: Năm 1922, cụ T2 kết hôn với cụ X. Đến năm 1951, cụ T2 cưới vợ thứ là cụ Võ Thị Q1 (Nguyễn Thị Q1), cụ Q1 có một người con là bà Huỳnh Thị X. Nguồn gốc nhà, đất tại số 34 Đường T1, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam là do cụ T2 và cụ X tạo lập từ trước khi cụ T2 cưới cụ Q1. Sau khi cụ T2 mất (năm 1969), cụ X, cụ Q1, bà X quản lý, sử dụng nhà, đất nêu trên. Sau khi cụ X mất (năm 1989), cụ Q1, bà X tiếp tục quản lý, sử dụng. Sau khi cụ Q1 chết (năm 2005), bà X đăng ký kê khai với Nhà nước và được UBND thành phố H1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 751826 ngày 05/3/2008. Xét việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà X, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Các bên đương sự đều thừa nhận nhà, đất là do cụ T2 và cụ X tạo lập; hồ sơ đăng ký biến động năm 1992 vẫn đứng tên cụ Trần Thị X đăng ký, đến khi kê khai theo Nghị định 60/CP thì do cụ Nguyễn Thị Q1 đăng ký kê khai; nhưng tại Giấy xác nhận nguồn gốc đất ngày 28/9/2007, UBND phường C lại xác nhận là của hộ ông Huỳnh T2, bà Nguyễn Thị Q1, đến ngày 22/01/2013, tại Giấy xác nhận nguồn gốc đất cũng của UBND phường C thì lại xác nhận nguồn gốc của bà Trần Thị X là có sự mâu thuẫn về người đứng kê khai đất và xác định không đúng về nguồn gốc đất. Vì vậy có căn cứ để khẳng định nhà và đất nêu trên là do cụ T2 và cụ X tạo lập.

[2.2] Văn bản nhận tài sản thừa kế của bà X kê khai bà X là người thừa kế theo pháp luật duy nhất của cụ T2 và cụ Q1 xin nhận thừa kế tài sản của cụ T2 và cụ Q1 để lại là nhà, đất tại tổ 6, khối 2, phường C (là nhà, đất tại số 34 Đường T1) được UBND phường C chứng thực ngày 15/01/2007. Khi chứng thực văn bản nêu trên của bà X, UBND phường C không yêu cầu bà X cung cấp chứng cứ chứng minh nhà, đất tại 34 Đường T1 là di sản của cụ T2 và cụ Q1, từ đó chứng thực bà X là người duy nhất được hưởng thừa kế nhà, đất nêu trên là không chính xác bởi lẽ, nhà - đất là di sản của cụ T2 và cụ X để lại, đồng thời cụ T2 và cụ X còn người thừa kế theo pháp luật khác là ông Huỳnh P như đã phân tích trên.

Như vậy, việc UBND thành phố H1 căn cứ vào các Giấy xác nhận nguồn gốc đất cũng như Văn bản nhận thừa kế tài sản của bà X được UBND phường C xác nhận để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số AĐ 751826 ngày 05/3/2008 cho bà X là không đúng quy định của pháp luật, xâm phạm quyền lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Phán.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Huỳnh Thị Xê và xác định nhà, đất tại 34 Đường T1, thành phố H1 là di sản của cụ T2 và cụ X để lại để chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.] Về hàng thừa kế:

Cụ T2 cưới cụ Q1 làm vợ thứ từ năm 1951 nên theo quy định tại điểm a Điều 4 Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Pháp lệnh thừa kế thì cả cụ X và cụ Q1 đều thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T2. Như vậy hàng thừa kế thứ nhất của cụ T2 gồm: cụ X, cụ Q1, ông P, bà X.

Bà X tuy là con của cụ Q1 nhưng về chung sống với cụ X từ khi mới sinh, có quan hệ chung sống, nuôi dưỡng chăm sóc, từ khi còn nhỏ cho đến khi cụ X mất, trong khi cụ X lại không có con ruột, chỉ có người con nuôi là ông P nên bà X là con nuôi thực tế của cụ X (quan hệ con nuôi được xác lập trước ngày 03/01/1987), thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ X. Do đó, kháng cáo của ông P cho rằng bà X không được hưởng thừa kế của cụ X là không có căn cứ. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của cụ X gồm ông P và bà X.

[4.] Về chia di sản thừa kế:

Giá trị nhà, đất tại số 34 Đường T1 là 170.450.000.000 đồng là di sản thừa kế của cụ T2 và cụ X để lại. Sau khi cụ T2, cụ X chết, bà X là người trực tiếp quản lý di sản thừa kế nên có công sức trong việc bảo quản, giữ gìn di sản. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm trích công sức cho bà X số tiền 7.000.000.000 đồng trong tổng giá trị di sản thừa kế là có căn cứ, đúng pháp luật. Như vậy, di sản của cụ T2, cụ X còn lại là 163.450.000.000 đồng, mỗi người là 81.725.000.000 đồng.

- Di sản của cụ T2 được chia cho 04 người gồm cụ X, cụ Q1, ông P, bà X mỗi người được hưởng 81.725.000.000/4 = 20.431.250.000 đồng.

- Di sản của cụ X gồm 81.725.000.000 đồng + 20.431.250.000 đồng (được hưởng từ cụ T2) = 102.156.250.000 đồng chia cho 02 người gồm ông P và bà X, mỗi người được hưởng 102.156.250.000 đồng/2 = 51.078.125.000 đồng.

- Di sản của cụ Q1 được hưởng từ cụ T2 là 20.431.250.000 đồng do con gái duy nhất là bà X được hưởng.

Như vậy, ông P được nhận tổng cộng là 71.509.375.000 đồng (20.431.250.000 đồng + 51.078.125.000 đồng), bà X được nhận tổng cộng là 98.940.625.000 đồng

(20.431.250.000 đồng + 51.078.125.000 đồng + 20.431.250.000 đồng + 7.000.000.000 đồng).

Trên cơ sở kỷ phần thừa kế mà ông P và bà X được chia, Tòa án cấp sơ thẩm chia hiện vật giao cho ông P được quyền sử dụng 714,4 m^2 đất tại thửa số 6, tờ bản đồ số 38, khối phố Ngọc Thành, phường C, thành phố H1 trị giá 71.440.000.000 đồng và có nghĩa vụ thối trả giá trị tài sản trên đất là 33.691.400 đồng cho vợ chồng bà Nguyễn Thị B, ông Tống Uy V (con bà X); giao cho bà X được quyền sử dụng 990,1 m^2 trị giá 99.010.000.000 đồng, được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên phần đất được chia và phải thối trả cho ông P 69.375.000 đồng tiền chênh lệch kỷ phần được hưởng là có căn cứ, phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của các bên.

[5.] Từ những phân tích trên, thấy rằng nhà, đất tại số 34 đường T1, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam là di sản do cụ T2 và cụ X để lại nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông P chia di sản thừa kế theo pháp luật, đồng thời chia hiện vật cho các đồng thừa kế trên cơ sở đảm bảo nhu cầu sử dụng đất của các bên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo của ông P cho rằng bà X không được hưởng di sản thừa kế của cụ X cũng như kháng cáo của bà X cho rằng việc chia thừa kế không đảm bảo quyền lợi của Bà là không có cơ sở chấp nhận. Mặt khác, thực tế bà Xê đi khỏi địa phương hiện sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh từ nhiều năm nay, nhà và tài sản thờ tự giao cho con cháu ngoại (con gái) quản lý, nay ông P có yêu cầu chia hiện vật làm nơi thờ tự cũng là chính đáng phù hợp.

[6.] Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của ông P tự nguyện không yêu cầu bà X phải thối trả phần chênh lệch kỷ phần thừa kế là 69.375.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của đương sự không trái đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7.] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5.] Ông P, bà X được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì những lẽ trên

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh P và Huỳnh Thị X. Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự. Sửa án dân sự sơ thẩm số 33/2019/DSST ngày 20/9/2019 của Tòa án nhân tỉnh Quảng Nam về việc *"Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt*" giữa nguyên đơn là ông Huỳnh P với bị đơn là bà Huỳnh Thị X.

Căn cứ Điều 26, Điều 34, Điều 157, Điều 158 và Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 609, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 643, Điều 650, Điều 651, Điều 653 và Điều 654 Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH

Tuyên xử;

1. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Huỳnh P đối với di sản của cụ Huỳnh T2 và cụ Trần Thị X để lại.

1.1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 751826 do Ủy ban nhân dân thành phố H1 cấp cho bà Huỳnh Thị X ngày 05/3/2008 đã được điều chỉnh ngày 01/02/2013.

1.2. Giao cho ông Huỳnh P được quyền sử dụng 714,4 m^2 đất ở đô thị trong một phần thửa đất số 6, tờ bản đồ số 38, tại khối N1, phường C, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam trị giá 71.440.000.000 đồng (có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm).

Ông Huỳnh P được nhận và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất được giao gồm: 01 quán tạm của vợ chồng bà Nguyễn Thị B và ông Tống Uy V; 14m tường rào lưới B40, cùng với toàn bộ cây lưu niên trên phần đất được giao gồm 02 cây mận có quả, 01 cây mãng cầu gai có quả, 02 cây mãng cầu có quả, 05 cây ổi có quả, 02 cây mít có quả, 19 cây cau có quả, 50 cây chuối có quả, 09 bụi sả, 02 cây đu đủ có quả, 01 cây khế có quả, 01 cây sanh, tổng cộng giá trị tài sản là 33.691.400 đồng. Ông Huỳnh P có trách nhiệm thối trả cho bà X, vợ chồng ông V, bà B số tiền 33.691.400 đồng (ba mươi ba triệu sáu trăm chín mươi mốt ngàn bốn trăm đồng) do ông Tống Uy V đại diện gia đình nhận.

1.3. Giao cho bà Huỳnh Thị X được quyền sử dụng 990,1 m^2 đất ở đô thị phần còn lại của thửa đất số 6, tờ bản đồ số 38, tại khối N1, phường C, thành phố H1, tỉnh Quảng Nam trị giá 99.010.000.000 đồng (có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm) và được sở hữu 01 ngôi nhà 03 gian, 01 ngôi nhà 02 tầng lợp ngói âm dương, tường xây, tường rào cổng ngõ, 01 giếng nước và toàn bộ cây lưu niên trên phần đất được giao.

1.4 Ghi nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh P, bà Huỳnh Thị X không phải thối trả phần chênh lệch kỷ phần thừa kế 69.375.000 đồng cho ông Huỳnh P.

2. Ông Huỳnh P và bà Huỳnh Thị X được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ

luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.(có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tối cao;*
- *VKSND cấp cao;*
- *TAND tỉnh Quảng Nam*
- *Cục THADS tỉnh Quảng Nam;*
- *Chi cục THADS tỉnh Quảng Nam;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu trữ, HSVA, Phòng HCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tồn